CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Đông Hải Bến Tre

Ngày 31/12/2024	37,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	8.4%	**4.2%**	**-4.0%**

DT thuần
Q4/24
873
tỷ VNĐ
QoQ: ▼23.0| -2.5%
YoY: ▲ 57.0| 7.0%

LN thuần
Q4/24
55.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼30.5| -35.6%
YoY: ▼31.2| -36.1%

LN sau thuế
Q4/24
49.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼28.0| -36.3%
YoY: ▼26.0| -34.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
8.4%
YoY: +/-▼ 3.6%

ROE
2024
12.6%
YoY: +/-▼ 4.6%

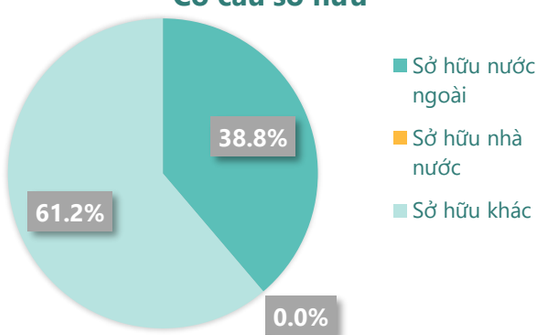
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	33,130 - 43,673
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,035
Số lượng CPLH (CP)	80,493,048
KLGD BQ 20 phiên (CP)	724,575
Sở hữu nước ngoài	38.8%
Beta	0.54
EPS	3,007
P/E	12.5

DT thuần
2024
3,597
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 338| 10.4%

LN thuần
2024
271
tỷ VNĐ
YoY: ▼80.0| -22.7%

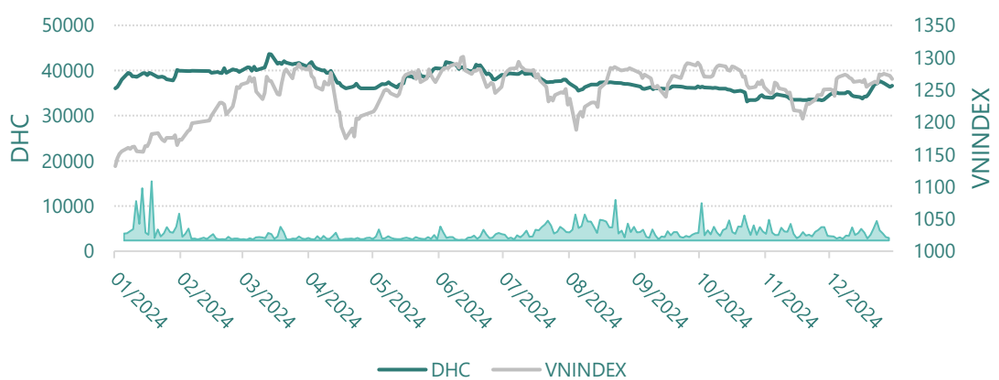
LN sau thuế
2024
242
tỷ VNĐ
YoY: ▼67.0| -21.7%

Cơ cấu sở hữu

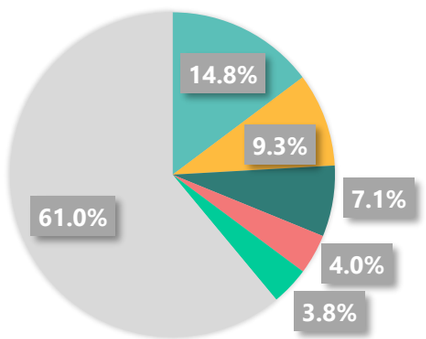


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

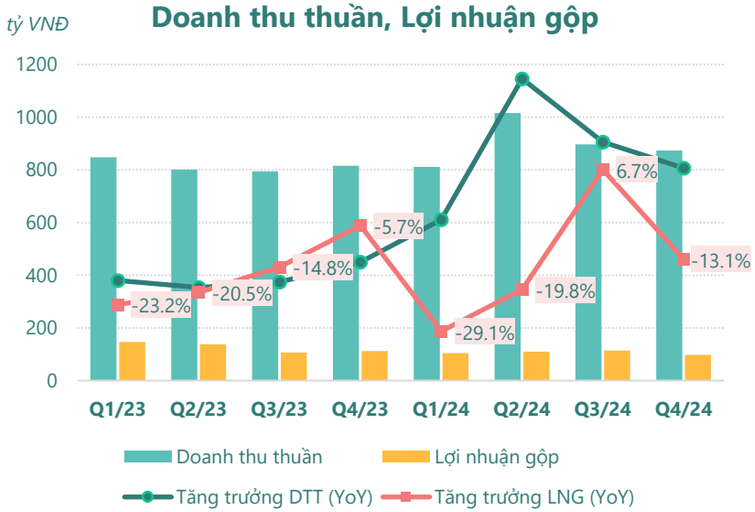


- KWE Beteiligungen AG
- Lê Bá Phương (Tổng giám đốc)
- Nguyễn Thị Thủy
- Lê Quang Hiệp
- Lương Văn Thành (Chủ tịch HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

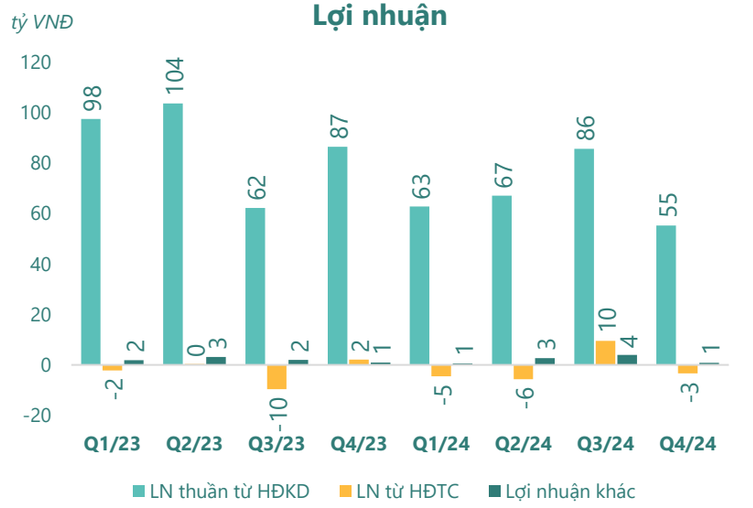
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



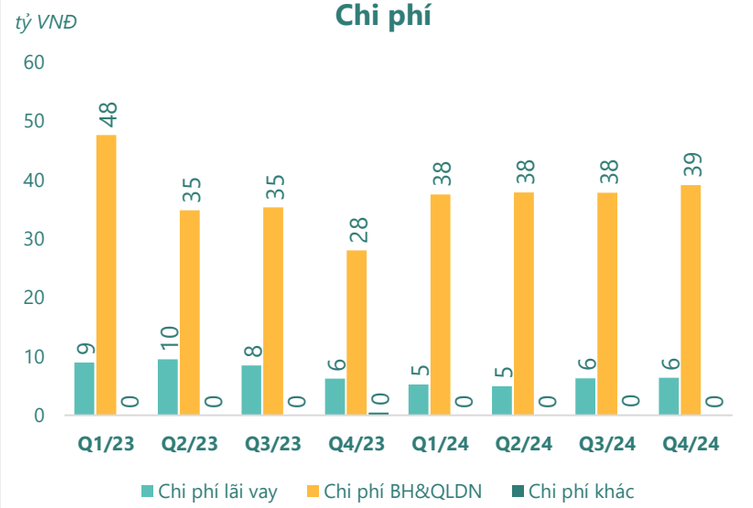
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



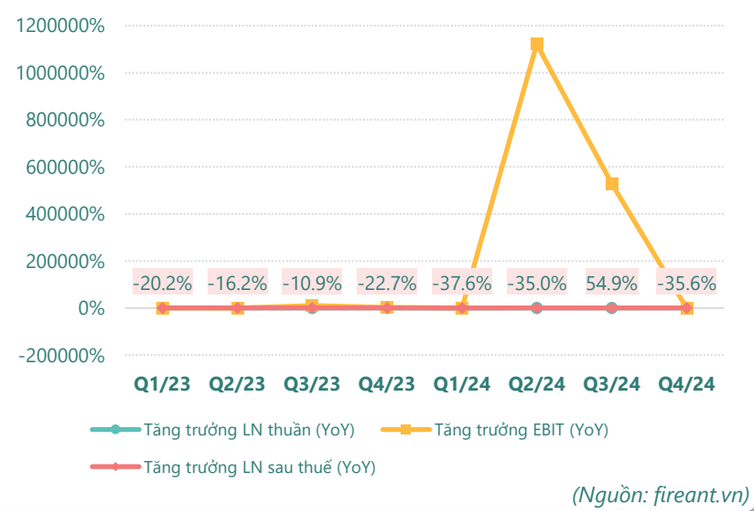
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



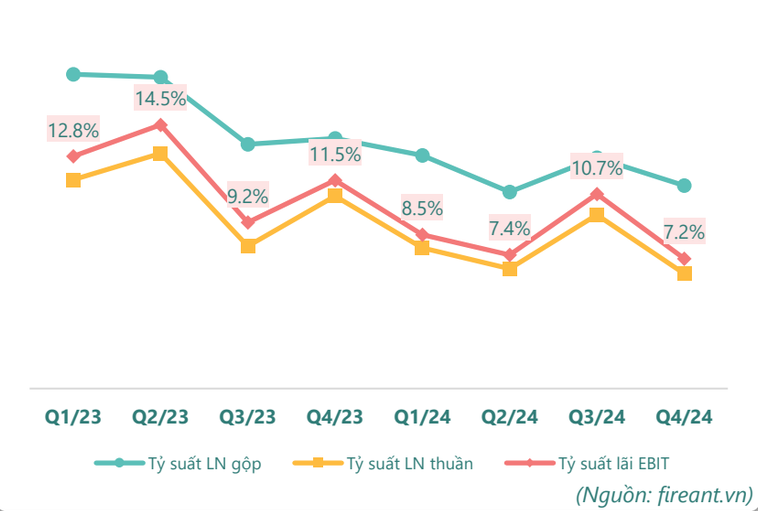
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



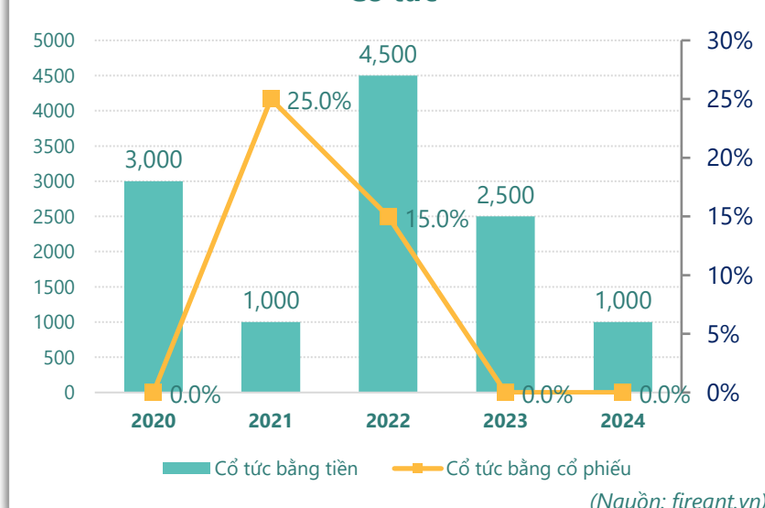
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

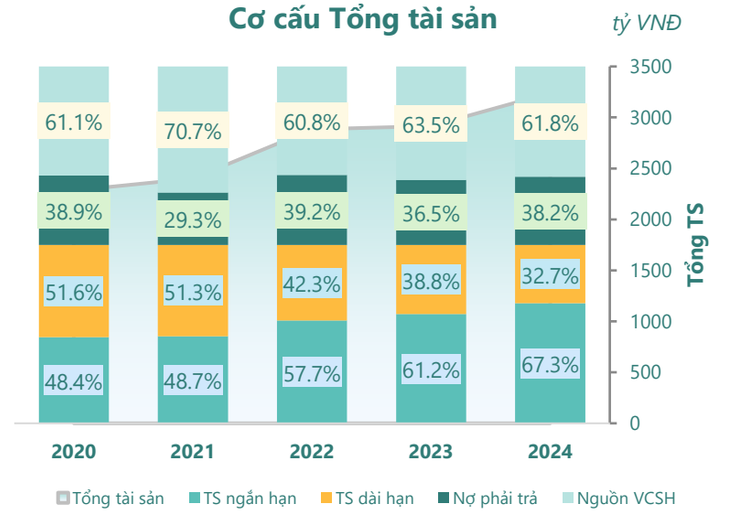
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

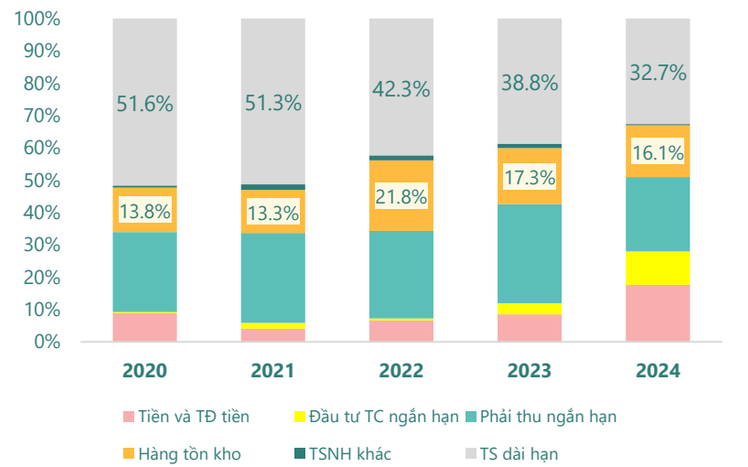
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



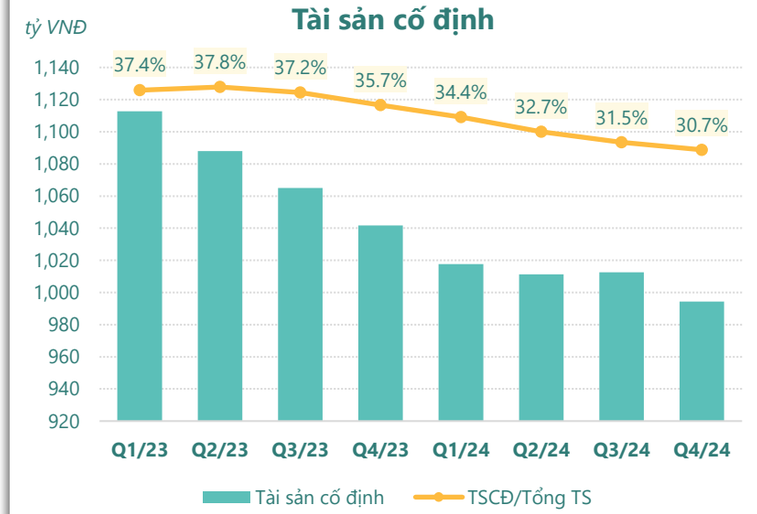
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



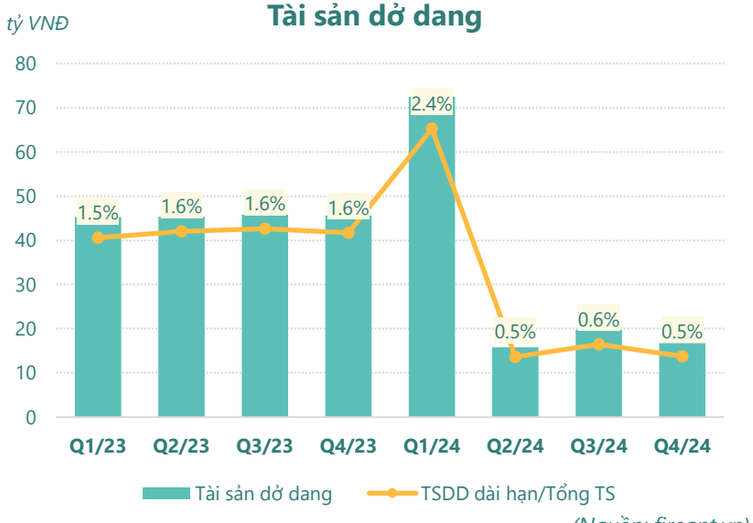
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



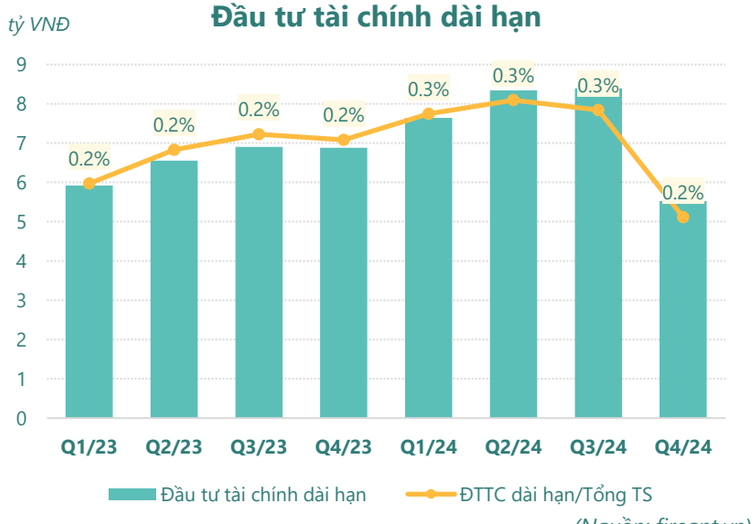
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



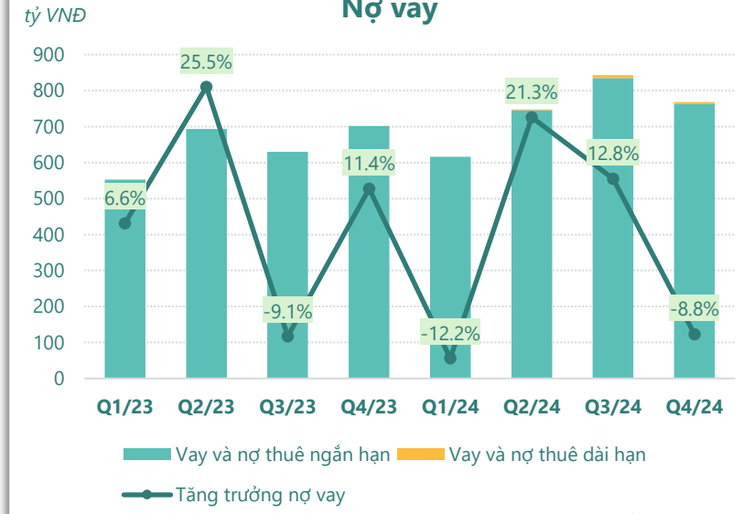
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

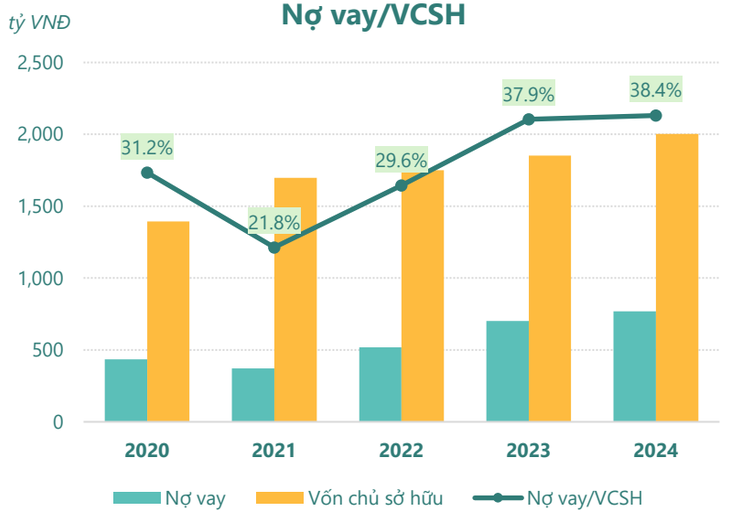
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

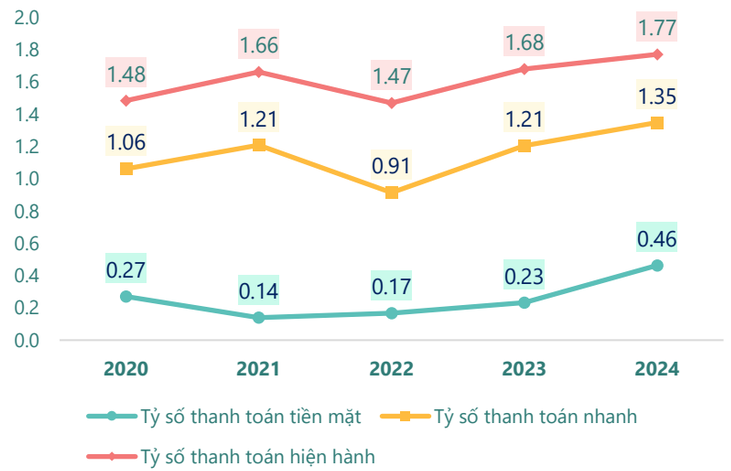
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



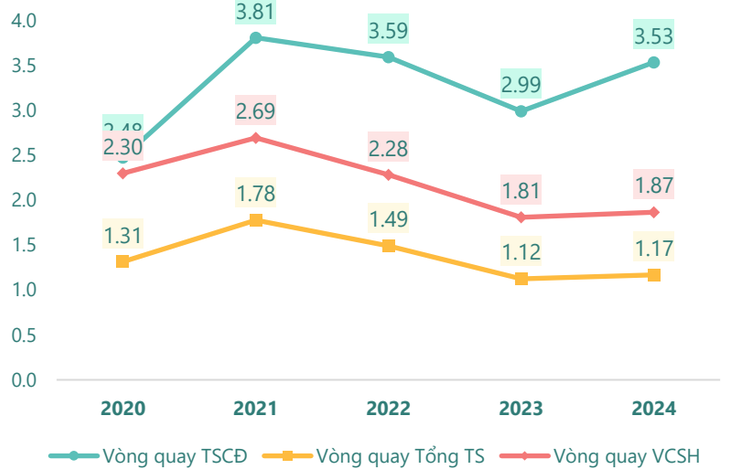
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



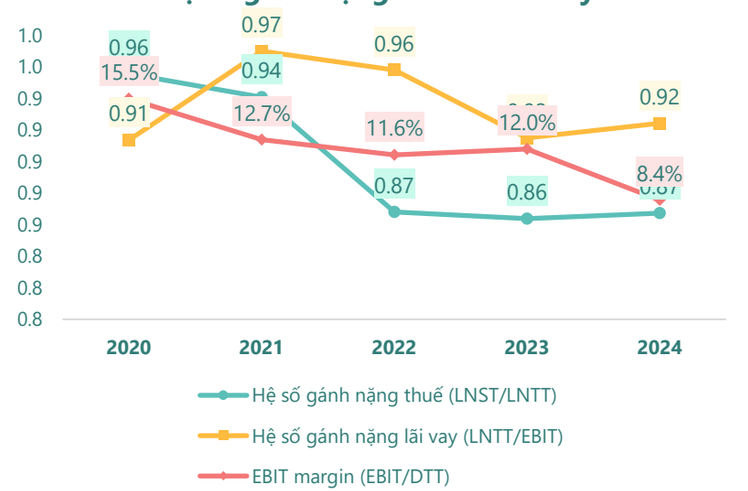
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



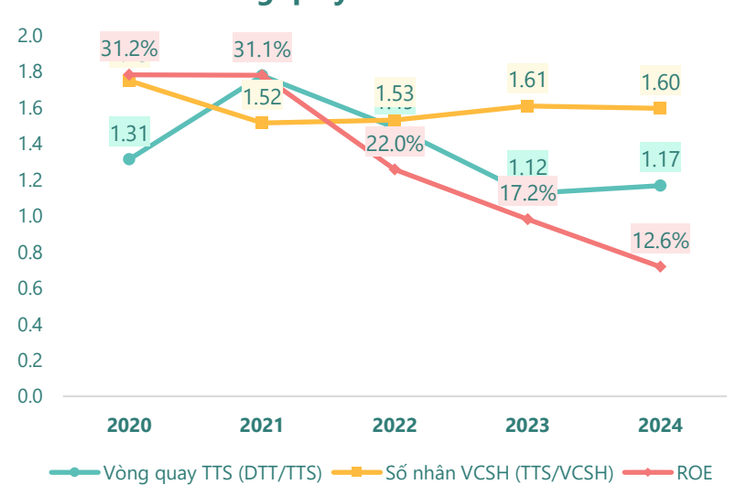
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



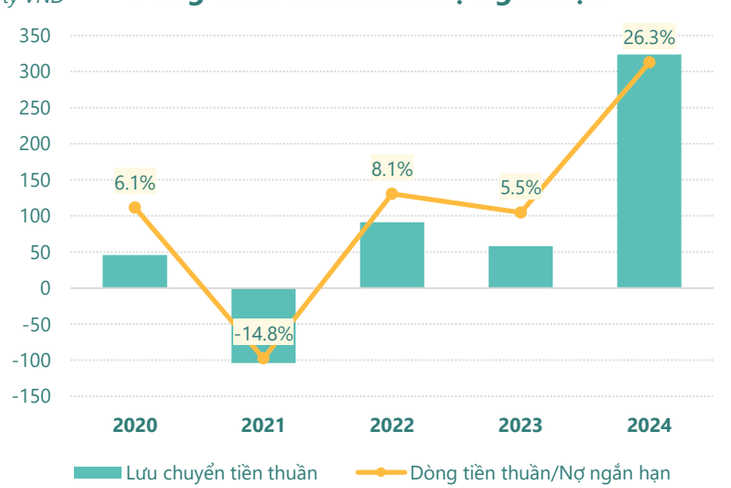
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**873**	**816**	**7.0%**	**3,597**	**3,259**	**10.4%**
Giá vốn hàng bán	776	703	10.3%	3,170	2,755	15.1%
Lợi nhuận gộp	97.7	112	-12.8%	426	504	-15.4%
Doanh thu HĐTC	9.71	8.51	14.1%	34.5	29.1	18.4%
Chi phí TC	13.1	6.37	105%	38.6	38.1	1.3%
Chi phí lãi vay	6.40	6.24	2.6%	22.9	33.2	-31.1%
LN trong công ty LKLD	**0.12**	**-0.02**	**703%**	**1.64**	**1.89**	**-13.6%**
Chi phí bán hàng	28.1	28.3	-0.6%	113	108	4.4%
Chi phí QLDN	**11.0**	**-0.31**	**3656%**	**39.7**	**37.8**	**4.9%**
LN thuần từ HĐKD	55.3	86.5	-36.1%	271	351	-22.7%
Lợi nhuận khác	**0.83**	**0.91**	**-8.5%**	**8.13**	**7.55**	**7.8%**
LN trước thuế	56.1	87.5	-35.9%	279	358	-22.0%
Lợi nhuận sau thuế	**49.0**	**75.0**	**-34.6%**	**242**	**309**	**-21.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**49.0**	**75.0**	**-34.6%**	**242**	**309**	**-21.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	189	66.9	122	68.4	189	278
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-37.0	-25.0	-28.9	-22.5	-159	-106
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-106	-6.44	-85.7	56.2	90.7	-78.9
Tiền đầu kỳ	166	212	247	255	357	478
Lưu chuyển tiền thuần	**46.0**	**35.5**	**7.67**	**102**	**121**	**92.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.01	0.01	-0.01	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	212	247	255	357	478	571

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,240**	**2,915**	**11.2%**
Tài sản ngắn hạn	2,182	1,785	22.2%
Tiền và tương đương tiền	571	247	131%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	334	101	230%
Phải thu ngắn hạn	745	894	-16.6%
Hàng tồn kho	520	504	3.2%
Tài sản ngắn hạn khác	11.6	38.7	-70.2%
Tài sản dài hạn	**1,058**	**1,130**	**-6.3%**
Phải thu dài hạn	2.57	4.74	-45.8%
Tài sản cố định	994	1,042	-4.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	16.7	45.6	-63.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	5.53	6.88	-19.7%
Tài sản dài hạn khác	**39.2**	**30.9**	**27.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,237	1,063	16.4%
Nợ ngắn hạn	**1,232**	**1,062**	**15.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	763	702	8.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	403	303	33.1%
Nợ dài hạn	5.50	0.70	689%
Vay và nợ thuê dài hạn	5.50	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,003**	**1,852**	**8.2%**
Vốn chủ sở hữu	**2,003**	**1,852**	**8.2%**
Vốn điều lệ	805	805	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)